

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Ban hành theo Quyết định số 166 /QĐ-CDPĐĐN ngày 10 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng trường cao đẳng Phương Đông Đà Nẵng)*

Tên ngành/nghề:	KẾ TOÁN
Mã ngành/nghề:	6340301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2-2.5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo cử nhân trình độ cao đẳng ngành Kế toán cung cấp cho sinh viên kiến thức về khung pháp lý của kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế; các quy định về đạo đức nghề nghiệp của kế toán; kiến thức về thu thập, xử lý, kiểm tra và cung cấp thông tin về tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động kinh doanh thông qua các nghiệp vụ của kế toán: tính phí, làm dự toán, phân bổ ngân sách, quản lý doanh thu theo sát các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc, trở thành cán bộ có chuyên môn, có trình độ văn hóa và kỹ năng thực hành tốt, có tiềm năng phát triển và khả năng thích ứng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và sản xuất kinh doanh trong thời kỳ hội nhập, với phương châm: “Kiến thức luôn song hành với kỹ năng thực hành thông thạo”. Có thể làm việc thuộc các bộ phận kế toán ở các loại hình doanh nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp và tổ chức chính trị - xã hội; Đồng thời, người học có khả năng học tập lên bậc đào tạo cao hơn, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật và Luật Lao động;

- Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, truyền thống của giai cấp công nhân Việt Nam, phát huy truyền thống của giai cấp công nhân Việt Nam;

- Nắm được những kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính trong việc thực hiện nghề kế toán;

- Trình bày được các quy định về kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ của nghề;

- Hiểu được các kiến thức cơ bản, cần thiết về tin học, ngoại ngữ liên quan đến việc thực hiện nghiệp vụ kế toán;

- Phân tích được hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán;

- Biết cách xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp và tại các đơn vị hành chính sự nghiệp;

- Biết cập nhật các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp và các đơn vị hành chính sự nghiệp;

- Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng:

a. Kỹ năng cứng

- Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán.

- Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi giờ.

- Tổ chức được công tác tài chính kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp.

- Lập được báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp.

b. Kỹ năng mềm

- Thiết lập mối quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

- Sử dụng thành thạo 2 đến 3 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng.

- Phân tích được tình hình kinh tế, tài chính doanh nghiệp.

- Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp.

- Báo cáo được các thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị.

- Tham mưu được cho lãnh đạo doanh nghiệp những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp đúng pháp luật.

- Lập được kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Sinh viên sẽ làm việc ở các công ty, doanh nghiệp, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cũng như ở các ngân hàng, công ty chứng khoán và các định chế tài chính phi ngân hàng như các quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm, các cơ quan hành chính sự nghiệp, trường học, bệnh viện... với vai trò nhân viên kế toán hay kế toán trưởng.

- Sinh viên có khả năng tiếp tục học liên thông đại học, thạc sĩ,... thuộc lĩnh vực kinh tế.

- Sinh viên có khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp thu nhanh các công nghệ mới.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 31

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 90 TC

- Khối lượng các môn học chung (đại cương): 435 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn và thực tập TN: 1.410 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 625 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1807 giờ; Kiểm tra: 118 giờ.

3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)				MH HT
			Tổng số	Trong đó			
				LT	TH/TT TN/BT /TL	KT	
I.	Các môn học chung	21	435	172	240	23	

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)				MH HT
			Tổng số	LT	Trong đó		
					TH/TT TN/BT /TL	KT	
MH 01	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5	
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2	C.Trị
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	75	36	35	4	
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2	
MH 06	Anh văn 1	3	60	29	28	3	
MH 07	Anh văn 2	3	60	28	29	3	
II	Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	53	1410	383	945	82	
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	11	225	103	104	18	
MH08	Kinh tế vi mô	2	45	15	26	4	
MH 09	Pháp luật kinh tế	2	30	28	0	2	
MH 10	Nguyên lý thống kê	2	45	15	26	4	
MH 11	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	2	45	15	26	4	
MH 12	Nguyên lý kế toán	3	60	30	26	4	
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề	32	975	200	729	46	
MH 13	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	60	30	26	4	NLKT
MH 14	Tài chính doanh nghiệp	2	45	15	26	4	LTTCTT
MH 15	Kiểm toán	2	45	15	26	4	KTDN
MH 16	Kế toán ngân sách	2	45	15	26	4	NLKT

Mã MH	Tên môn học, mô đun	Số TC	Thời gian học tập (giờ)				MH HT
			Tổng số	LT	Trong đó		
					TH/TT TN/BT /TL	KT	
MH 17	Kế toán kinh doanh XNK và dịch vụ	2	45	15	26	4	NLKT
MH 18	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	60	30	26	4	KTDN1
MH 19	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	2	45	15	26	4	KTDN2
MH 31	Thực tập nghề nghiệp	5	225	10	210	5	
MH 20	Kế toán xây lắp và sản xuất	2	45	15	26	4	NLKT
MH 21	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	45	15	26	4	NLKT
MH 22	Thực hành kế toán và kê khai quyết toán thuế	7	315	25	285	5	KTDN
II.3	Môn học, mô đun bổ trợ	10	210	80	112	18	
MH 23	Kế toán quản trị	2	45	15	26	4	NLKT
MH 24	Kế toán trên máy tính	2	45	15	26	4	NLKT, TIN
MH 25	Thuế	2	45	15	26	4	TCDN
MH 26	Anh văn chuyên ngành kế toán	2	30	20	8	2	AV
MH 27	Phân tích tài chính doanh nghiệp	2	45	15	26	4	TCDN
II.4 MH28	Thực tập tốt nghiệp	8	480	10	465	5	
II.5 MH29	Đánh giá kỹ năng thực hành cuối khoa	3	135	10	120	5	
II.6 MH30	Kỹ năng mềm	5	90	50	37	3	
MH 50	Anh văn tăng cường	3	60	22	37	1	
MH 32	Kỹ năng thành công	2	30	28	0	2	
	Tổng	90	2550	625	1807	118	

